

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG

Tên công trình: BẾN PHÀ NINH TIẾP

Tên hạng mục: ĐƯỜNG TỪ TRẠM SOÁT VÉ ĐẾN ĐƯỜNG DẪN VÀ BẾN PHÀ

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị (đ)
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	Chi phí Vật liệu	VL	A	611.288.927
	+ Theo đơn giá trực tiếp	A1	Bảng dự toán hạng mục	257.777.442
	+ Chênh lệch vật liệu	CL	Theo bảng bù giá	353.511.485
	Cộng	A	A1 + CL	611.288.927
2	Chi phí Nhân công	NC	B	736.646.293
	+ Theo đơn giá trực tiếp	B1	Bảng dự toán hạng mục	593.741.602
	+ Chênh lệch nhân công	CLNC	Theo bảng bù giá	142.904.691
	Cộng	B	B1 + CLNC	736.646.293
3	Chi phí Máy thi công	M	C	35.853.857
	+ Theo đơn giá trực tiếp	C1	Bảng dự toán hạng mục	29.160.496
	+ Chênh lệch Máy thi công	CLMay	Theo bảng bù giá	6.693.362
	Cộng	C	C1 + CLMay	35.853.857
	Cộng chi phí trực tiếp	T	VL + NC + M	1.383.789.077
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			
1	Chi phí chung	C	T x 6,2%	85.794.923
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	LT	T x 1%	13.837.891
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT	T x 2%	27.675.782
	Cộng chi phí gián tiếp	GT	(C + LT + TT)	127.308.595
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	(T+GT) x 6%	90.665.860
	Chi phí xây dựng trước thuế	G	(T+GT+TL)	1.601.763.533
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GTGT	G x 8%	128.141.083
V	Chi phí xây dựng sau thuế	Gxd	G+GTGT	1.729.904.616
	LÀM TRÒN			1.729.905.000
Bảng chữ: Một tỷ bảy trăm hai mươi chín triệu chín trăm linh năm nghìn đồng chẵn./.				

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG

Tên công trình: BẾN PHÀ NINH TIẾP

Tên hạng mục: ĐƯỜNG DẪN XUỐNG BẾN PHÀ NINH TIẾP CŨ

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị (đ)
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	Chi phí Vật liệu	VL	A	3.689.095.741
	+ Theo đơn giá trực tiếp	A1	Bảng dự toán hạng mục	1.101.435.426
	+ Chênh lệch vật liệu	CL	Theo bảng bù giá	2.587.660.315
	Cộng	A	A1 + CL	3.689.095.741
2	Chi phí Nhân công	NC	B	4.104.740.278
	+ Theo đơn giá trực tiếp	B1	Bảng dự toán hạng mục	3.357.334.352
	+ Chênh lệch nhân công	CLNC	Theo bảng bù giá	747.405.925
	Cộng	B	B1 + CLNC	4.104.740.278
3	Chi phí Máy thi công	M	C	308.745.854
	+ Theo đơn giá trực tiếp	C1	Bảng dự toán hạng mục	250.727.816
	+ Chênh lệch Máy thi công	CLMay	Theo bảng bù giá	58.018.038
	Cộng	C	C1 + CLMay	308.745.854
	Cộng chi phí trực tiếp	T	VL + NC + M	8.102.581.872
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			
1	Chi phí chung	C	T x 6,2%	502.360.076
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	LT	T x 1%	81.025.819
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT	T x 2%	162.051.637
	Cộng chi phí gián tiếp	GT	(C + LT + TT)	745.437.532
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	(T+GT) x 6%	530.881.164
	Chi phí xây dựng trước thuế	G	(T+GT+TL)	9.378.900.569
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GTGT	G x 8%	750.312.046
V	Chi phí xây dựng sau thuế	Gxd	G+GTGT	10.129.212.614
	LÀM TRÒN			10.129.213.000
<i>Bảng chữ: Mười tỷ một trăm hai mươi chín triệu hai trăm mười ba nghìn đồng chẵn./.</i>				

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG

Tên công trình: BẾN PHÀ NINH TIẾP

Tên hạng mục: BẾN PHÀ NINH TIẾP CŨ (B2=15,4M)

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị (đ)
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	Chi phí Vật liệu	VL	A	2.779.146.365
	+ Theo đơn giá trực tiếp	A1	Bảng dự toán hạng mục	1.470.258.204
	+ Chênh lệch vật liệu	CL	Theo bảng bù giá	1.308.888.161
	Cộng	A	A1 + CL	2.779.146.365
2	Chi phí Nhân công	NC	B	12.549.855.837
	+ Theo đơn giá trực tiếp	B1	Bảng dự toán hạng mục	9.898.089.739
	+ Chênh lệch nhân công	CLNC	Theo bảng bù giá	2.651.766.098
	Cộng	B	B1 + CLNC	12.549.855.837
3	Chi phí Máy thi công	M	C	1.657.820.871
	+ Theo đơn giá trực tiếp	C1	Bảng dự toán hạng mục	1.407.955.156
	+ Chênh lệch Máy thi công	CLMay	Theo bảng bù giá	249.865.715
	Cộng	C	C1 + CLMay	1.657.820.871
	Cộng chi phí trực tiếp	T	VL + NC + M	16.986.823.073
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			
1	Chi phí chung	C	T x 6,2%	1.053.183.031
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	LT	T x 1%	169.868.231
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT	T x 2%	339.736.461
	Cộng chi phí gián tiếp	GT	(C + LT + TT)	1.562.787.723
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	(T+GT) x 5,5%	1.020.228.594
	Chi phí xây dựng trước thuế	G	(T+GT+TL)	19.569.839.389
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GTGT	G x 8%	1.565.587.151
V	Chi phí xây dựng sau thuế	Gxd	G+GTGT	21.135.426.540
	LÀM TRÒN			21.135.427.000
<i>Bảng chữ: Hai mươi một tỷ một trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn đồng chẵn./</i>				